

Câu 53: Header đúng cho một class dự định dùng là?

- A. class MyClass IFace
- B. class MyClass ; IFace
- C. class MyClass : IFace
- D. class MyClass {IFace}

Câu 54: Để class sử dụng interface thì nó phải?

- A. Kế thừa các đặc tính của interface
- B. Chứa các phương thức giống như interface
- C. Tạo một interface object
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 55: Mọi class đều trực tiếp hoặc gián tiếp mở rộng lớp từ nào sau đây?

- A. System
- B. Object
- C. Drawing
- D. Console

Câu 56: Đa hình xảy ra khi các phương thức của lớp con

- A. Ghi đè các phương thức của lớp cha nhưng vẫn duy trì việc triển khai.
- B. Duy trì cùng kiểu trả về và các tham số như lớp cha, nhưng cách thực hiện khác nhau.
- C. Có kiểu trả về và tham số khác với lớp cha.
- D. Là ảo

Câu 57: Để xuất giá trị của mảng đa chiều, Console.WriteLine(____);

- A. myArray[1][3];
- B. myArray[1,3];
- C. myArray{1}{3};
- D. myArray(1),(3);

Câu 58: Các đối tượng ngoại lệ được bắt nguồn từ class?

A. Try

B. Catch

C. Exception

D. Event

Câu 59: Một lớp trừu tượng ...

A. Có thể chứa các biến instance

B. Có thể chứa constructor

C. Có thể mở rộng class khác

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 60: Một khối ... kèm theo mã lệnh có thể throw một ngoại lệ.

A. Try

B. Catch

C. Exception

D. Cả A và B

Câu 61: Khi thao tác chuỗi có kích thước lớn và thường bị thay đổi, ta nên sử dụng đối tượng thuộc lớp nào sau đây?

A. String

B. StringBuilder

C. Cả 2 như nhau

D. Khác

Câu 62: Không gian tên nào chứa các điều khiển trên windows form?

A. System.Windows.Forms

B. System.Windows.Controls

C. System.Windows.Forms.UI

D. System.Windows.Controls.UI

Câu 63: Tất cả các Windows Form đều thừa kế từ lớp nào?

A. Window

B. Form

C. Page

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 64: Phương thức nào sau đây của lớp SqlCommand chắc chắn không làm thay đổi dữ liệu:

A. ExecuteNonQuery

B. ExecuteReader

C. ExecuteScalar

D. ExecuteReadOnly

Câu 65: Để tạo một User Control trong windows form, ta tạo lớp thừa kế từ lớp nào?

A. Control

B. UserControl

C. TextBox

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 66: Để một Form trở thành một MDI form ta làm thế nào?

A. Gán thuộc tính IsMdiContainer bằng true

B. Gán thuộc tính IsMdiContainer bằng false

C. Gán thuộc tính IsMdiChild bằng true

D. Gán thuộc tính IsMdiChild bằng false

Câu 67: Sự kiện nào của TextBox xảy ra khi người dùng gõ một phím trên TextBox?

A. TextChange

B. KeyPress

C. Cả A và B đúng

D. Cả A và B sai

Câu 68: Phương thức nào sau đây dùng để hiện một form?

A. Show

B. ShowDialog

C. Cả A và B đúng

D. Cả B và B sai

Câu 69: Để cho ô Textbox txtPW không hiển thị nội dung khi gõ vào. Cách nào sau đây là đúng?

A. txtPW.TextMode= TextMode.Password

B. txtPW.Visible=False

C. txtPW.PasswordChar = '*';

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 70: Thuộc tính nào cho biết chỉ số của phần tử được chọn trong ListBox?

A. SelectedIndex

B. SelectedItem

C. Cả a và b sai

D. Cả a và b đúng

Câu 71: Khi một listbox không có phần tử nào được chọn thì ...

A. SelectedIndex bằng 0

B. SelectedItem bằng null

C. Cả A và B đúng

D. Cả A và B sai

Câu 72: Cho lst là một Listbox. Khi gọi phương thức lst.FindString("abc") thì kết quả trả về là gì?

A. Chỉ số phần tử đầu tiên có chuỗi bắt đầu bằng "abc"

B. Chỉ số phần tử có nội dung là "abc"

C. True/False cho biết có phần tử "abc" trong listbox không

D. Cả A, B, C đều sai

Câu 73: Lớp SqlConnection nằm trong namespace nào?

A. System.Data

B. System.Data.Sql

C. System.Data.SqlClient

D. System.Data.Connection

Câu 74: Phương thức nào của SqlDataAdapter dùng để select dữ liệu từ server và lưu vào DataTable?

A. Select

B. Fill

C. ExecuteReader

D. Save

Câu 75: Phương thức nào của lớp SqlDataAdapter dùng để lưu những thay đổi dữ liệu từ một DataTable lên server?

A. Save

B. Update

C. ExecuteNonQuery

D. UpdateCommand

Câu 76: Đối tượng nào trong ADO.NET cho phép thực thi các câu lệnh SQL?

A. SqlConnection

B. SqlCommand

C. SqlDataReader

D. SqlExecuteCommand

Câu 77: Đối tượng SqlDataAdapter có thể đổ dữ liệu selected được lên đối tượng nào sau đây?

A. Dataset

B. DataTable

C. Cả A và B đúng

D. Cả A và B sai

Câu 78: Ưu điểm của StringBuilder so với String

A. Truy xuất nhanh hơn

B. Sử dụng ít bộ nhớ hơn.

C. Có thể thay đổi giá trị của đối tượng

D. Cả A, B, C đều sai

Câu 79: Cho biết kết quả của chương trình sau

```
using System;

class ABC{

    static Int32 Add(params Int32[] arr)

    {

        Int32 tich = 0;

        for (Int32 x=0;x < arr.Length; x++)

            tich *= values[x];

        return tich;

    }

    static void Main(){

        int t = ABC.Add(1, 2, 3,4);    Console.WriteLine(t);

    }

}
```

A. Xuất ra màn hình: 10

B. Xuất ra màn hình: 24

C. Lỗi khi biên dịch

D. Xuất ra màn hình: 6

Câu 80: Cho biết kết quả chương trình sau

```
using System;
```

```
class RefClass{  
    public String data;  
    static void ChangRefClass(RefClass r, String newData) {  
        r = new RefClass();    r.data = newData;  
    }  
    public static void Main(){  
        RefClass r = new RefClass();    r.data = "123";    ChangRefClass(r, "XYZ");  
        Console.WriteLine(r.data);  
    }  
}
```

A. Xuất ra màn hình: 123

B. Xuất ra màn hình: XYZ

C. Xuất ra màn hình: XYZ123

D. Xuất ra màn hình: 123XYZ